

Bản án số: 13/2023/DS-ST

Ngày 07/4/2023

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ánh Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Minh.

2. Ông Phan Đình Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A.

Ngày 07/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 149/2022/TLST-DS ngày 16/12/2022, “Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-DS ngày 06/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2023/QĐST-DS ngày 23/3/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị Phương D, sinh năm 1989; địa chỉ: Làng R, xã Y, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Anh P, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ S, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trịnh Thị Phương D trình bày: Vào ngày 31/8/2018, ông Nguyễn Anh P có mượn của chị Trịnh Thị Phương D số tiền là 40.000.000đ, hẹn một tháng sau sẽ trả nợ. Ngày 12/9/2018, ông P mượn của chị D số tiền là 100.000.000đ, hẹn đến ngày 12/10/2018 sẽ trả nợ. Các giấy mượn tiền mà chị D đã cung cấp cho Tòa án là do ông Nguyễn Anh P viết và ký xác nhận với tổng số tiền là 140.000.000đ. Đến hạn trả nợ, chị D đã nhiều lần yêu cầu ông P phải trả số tiền đã mượn, nhưng cho đến nay ông P vẫn không trả được bất kỳ khoản tiền nợ nào. Vì vậy, chị Trịnh Thị Phương D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Anh P phải trả tổng số tiền đã mượn là 140.000.000đ. Ngoài ra, chị D không yêu cầu gì thêm.

* Tại bản tự khai ngày 30/01/2023, bị đơn ông Nguyễn Anh P trình bày: Năm 2018, ông P có vay của chị Trịnh Thị Phương D tổng số tiền là 140.000.000đ theo như 02 Giấy mượn tiền mà chị D đã cung cấp cho Tòa án. Đối với giấy mượn số tiền 40.000.000đ, ông đã trả cho chị D bằng tiền mặt, chị D không viết giấy đã nhận tiền của ông, đối với giấy mượn tiền ông đã viết cho chị D thì chị D nói đã mất. Đối với giấy mượn số tiền 100.000.000đ, ông đã trả cho chị D qua tài khoản tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thị xã A Đông Gia Lai 04 lần: Lần 1 là 29.000.000đ, lần 2 là 14.000.000đ, lần 3 là 9.000.000đ, lần 4 là 11.000.000đ, tổng cộng là 63.000.000đ. Trong 03 lần trả trước đây ông đã làm mất chứng từ, chỉ còn chứng từ trả lần thứ 4 là 11.000.000đ. Nay, chị D khởi kiện yêu cầu ông trả tổng số tiền 140.000.000đ thì ông không đồng ý, ông cho rằng chỉ còn nợ chị D số tiền 37.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trịnh Thị Phương D khởi kiện đối với ông Nguyễn Anh P, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ S, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai, yêu cầu ông P phải trả số tiền đã vay. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai. Bị đơn ông Nguyễn Anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Anh P.

[2] Về nội dung: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị Phương D, cùng với việc cung cấp chứng cứ gốc là các “Giấy mượn tiền” ngày 31/8/2018 và ngày 12/9/2018 được ông Nguyễn Anh P thừa nhận đúng chữ ký của ông và tổng số tiền đã vay là 140.000.000đ. Do đó, có đủ cơ sở xác định ông Nguyễn Anh P có vay chị Trịnh Thị Phương D số tiền 140.000.000đ là có căn cứ.

[3] Ông Nguyễn Anh P khai đã nhiều lần trả nợ cho chị Trịnh Thị Phương D và hiện ông chỉ còn nợ chị D số tiền 37.000.000đ. Tuy nhiên, ông P chỉ cung cấp được 01 chứng từ nộp tiền ngày 02/5/2019 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, thể hiện người nhận tiền là Trịnh Thị Phương D, số tài khoản 50132050118xx, số tiền là 11.000.000đ. Tuy nhiên, chị D không thừa nhận lời khai của ông P, chị D cho rằng ông P chưa trả khoản tiền nào trong tổng số tiền đã vay theo 02 Giấy mượn tiền mà chị đã cung cấp. Đối với số tiền 11.000.000đ theo chứng từ mà ông P cung cấp thì chị D cho rằng số tiền này trả cho khoản nợ khác. Do ông P không có mặt để đối chất nên chị D chấp nhận trừ

số tiền 11.000.000đ theo chứng từ mà ông P cung cấp, chị D yêu cầu ông P phải trả số tiền còn lại là 129.000.000đ. Tòa án đã yêu cầu ông P cung cấp chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình, nhưng ông P không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Theo giấy mượn tiền các bên có thỏa thuận thời hạn trả nợ, không ghi lãi suất cụ thể, nên đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi. Chị D đã đòi nợ nhiều lần nhưng ông P chưa trả hết số tiền đã vay, nên chị D khởi kiện là có căn cứ đúng theo quy định tại các Điều 463, 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Anh P phải trả cho chị Trịnh Thị Phương D số tiền còn nợ là 129.000.000đ, chị D không yêu cầu trả tiền lãi của số nợ trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Như vậy, ông Nguyễn Anh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 129.000.000đ x 5% = 6.450.000đ. Chị Trịnh Thị Phương D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 235, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị Phương D.

- Buộc ông Nguyễn Anh P phải trả cho chị Trịnh Thị Phương D số tiền gốc còn nợ là 129.000.000đ (*Một trăm hai mươi chín triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Anh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là: 6.450.000đ (*Sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*). Chị Trịnh Thị Phương D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị Trịnh Thị Phương D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.500.000đ theo biên lai số 0006521 ngày 16/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (07/4/2023), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX. A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Đồng Ánh Đông